

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
KHOÁ 13

Tên chương trình : Ngôn ngữ trung Quốc
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ trung Quốc
(Chinese language)
Mã ngành : 7220204
Hình thức đào tạo : Chính quy

Hải Dương, 2022

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Chữ viết đầy đủ
1	CDR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	TC	Tín chỉ

MỤC LỤC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
A. GIỚI THIỆU CHUNG	1
I. Thông tin chung về CTĐT	1
II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục	2
B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
I. Mục tiêu đào tạo.....	3
1.1. Mục tiêu chung	3
1.2. Mục tiêu cụ thể	3
1.2.1. Kiến thức.....	3
1.2.2. Kỹ năng.....	3
1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	3
1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	4
II. Chuẩn đầu ra	4
2.1. Kiến thức.....	4
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	4
III. Nội dung chương trình đào tạo.....	5
IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT.....	8
V. Tiến trình đào tạo	11
VI. Nội dung các học phần.....	12
6.1. Mô tả học phần	12
6.2. Đề cương chi tiết học phần	27

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-ĐHSD, ngày 10 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

A. GIỚI THIỆU CHUNG

I. Thông tin chung về CTĐT

- Tên CTĐT: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chinese language)
- Mã ngành đào tạo: 7220204
- Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ
- Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Tên gọi văn bằng: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
- Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)
- Số tín chỉ yêu cầu: 146 tín chỉ (không bao gồm học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý).
- Khoa quản lý: Khoa Du lịch và Ngoại ngữ
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.
- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.
- Học tập nâng cao trình độ: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn: thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành về lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc.
- Chương trình tham khảo:
 - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam (2022), *Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung*.
 - Trường Đại học Hà Nội, Việt Nam (2016), *Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung*.
 - Trường Đại học Thương Mại, Việt Nam (2022), *Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung*.

[4]. Trường Đại học Giáo dục Bắc Kinh, Trung Quốc (2014), *Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Hán ngữ Quốc tế*.

16. Thời điểm cập nhật: Tháng 9 năm 2022.

II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục - Giá trị văn hoá cốt lõi

2.1. Tầm nhìn - 2030

Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.

2.2. Sứ mạng - 2025

Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025

2.3.1. Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

2.3.2. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

2.3.3. Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để Nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

2.3.4. Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

2.3.5. Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện tự đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023.

2.4. Triết lý giáo dục

Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững.

2.5. Giá trị văn hoá cốt lõi

Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến.

B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn toàn diện, có kỹ năng nghe, nói, đọc viết, biên-phiên dịch tiếng Trung; có khả năng tự học và sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp; có kỹ năng làm việc hiệu quả; có khả năng tự bồi dưỡng và thích nghi trong các môi trường làm việc; có tr

ách nhiệm với bản thân và xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức tin học và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

1.2.1.1c. Có kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức chuyên sâu về thực hành tiếng Trung Quốc tương đương với bậc 5 của khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

1.2.1.2b. Có kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc.

1.2.1.2c. Có kiến thức chuyên sâu về các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kỹ thuật biên - phiên dịch.

1.2.1.2d. Có kiến thức cơ bản về kỹ thuật biên - phiên dịch, đáp ứng nhu cầu giao tiếp liên văn hóa của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học, kỹ thuật và đời sống.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Ứng dụng được phần mềm tin học và có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.2.2. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Trung Quốc thành thạo, biên - phiên dịch trong các cơ quan, doanh nghiệp và các công việc khác có sử dụng tiếng Trung Quốc.

1.2.2.3. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và đảm nhận được vị trí công việc như: Cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên văn phòng, phiên dịch viên, biên dịch viên tại các doanh nghiệp, giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo và theo học ở các trình độ cao hơn.

II. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ tiếng Anh để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.

2.1.4. Hiểu được văn hóa, đất nước và đặc điểm ngôn ngữ Trung Quốc để vận dụng trong thực hành tiếng.

2.1.5. Vận dụng các kiến thức nghe, nói, đọc, viết trong giao tiếp và các kỹ năng về nghiệp vụ trong công tác biên dịch, phiên dịch.

2.1.6. Tổng hợp các kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc thành thạo trong công việc và giao tiếp xã hội.

2.2.2. Biên dịch, phiên dịch được Trung - Việt, Việt - Trung trong các lĩnh vực văn hóa, kinh tế, giáo dục, chính trị, xã hội.

2.2.3. Vận dụng linh hoạt các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong giao tiếp và biên dịch, phiên dịch.

2.2.4. Phân tích được vấn đề và giải pháp chuyên môn tới người khác một cách rõ ràng dễ hiểu, đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.5. Hợp tác, thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe, khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực ngôn ngữ.

2.3.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến công việc chuyên môn.

III. Nội dung chương trình đào tạo

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
3.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	45		
3.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn	8	8	0
3.1.2.1		Phần bắt buộc	6	6	0
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0
8	VNH 001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
3.1.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 4 học phần sau)	2	2	0
9	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
10	KHXH 005	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	2	0
11	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
12	KHXH 016	Nghiệp vụ văn phòng	2	2	0
3.1.3		Ngoại ngữ 2	8	8	0
13	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	2	2	0
14	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
15	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
3.1.4		Tin học	4	2	2
16	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2
3.1.5		Kỹ năng mềm	3	2	1
17	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
3.1.6		Giáo dục thể chất	3	0	3
18	GDTC	Giáo dục thể chất	3	0	3
3.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
19	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
3.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	101	59	42
3.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	13	13	0
3.2.1.1		Phần bắt buộc	14	14	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
20	NNTQ 003	Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc	2	2	0
21	NNTQ 004	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc	3	3	0
22	NNTQ 008	Từ vựng tiếng Trung Quốc	3	3	0
23	NNTQ 001	Đất nước học Trung Quốc	3	3	0
3.2.1.2		Phân tự chọn có hướng dẫn (<i>chọn 1 trong 3 học phần sau</i>)	2	2	0
24	NNTQ 002	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	2	2	0
25	NNTQ 005	Tiếng Hán cổ đại	2	2	0
26	NNTQ 006	Tiếng Hán thương mại	2	2	0
3.2.2		Kiến thức ngành	68	44	24
27	NNTQ 056	Tiếng Trung tổng hợp 1	4	4	0
28	NNTQ 057	Tiếng Trung tổng hợp 2	4	4	0
29	NNTQ 058	Tiếng Trung tổng hợp 3	3	3	0
30	NNTQ 059	Tiếng Trung tổng hợp 4	3	3	0
31	NNTQ 012	Đọc 1	2	2	0
32	NNTQ 013	Đọc 2	2	2	0
33	NNTQ 014	Đọc 3	2	2	0
34	NNTQ 015	Đọc 4	2	2	0
35	NNTQ 047	Đọc 5	2	2	0
36	NNTQ 019	Nghe 1	2	0	2
37	NNTQ 020	Nghe 2	2	0	2
38	NNTQ 021	Nghe 3	2	0	2
39	NNTQ 022	Nghe 4	2	0	2
40	NNTQ 062	Nghe 5	2	0	2
41	NNTQ 025	Nói 1	2	2	0
42	NNTQ 026	Nói 2	2	2	0
43	NNTQ 027	Nói 3	2	2	0
44	NNTQ 028	Nói 4	2	2	0
45	NNTQ 050	Nói 5	2	0	2
46	NNTQ 037	Viết 1	2	2	0
47	NNTQ 038	Viết 2	2	2	0
48	NNTQ 039	Viết 3	2	2	0
49	NNTQ 040	Viết 4	2	2	0
50	NNTQ 060	Viết 5	2	2	0
51	NNTQ 018	Lý thuyết dịch	2	2	0
52	NNTQ 045	Biên dịch 1	3	0	3
53	NNTQ 052	Phiên dịch 1	3	0	3
54	NNTQ 046	Biên dịch 2	3	0	3
55	NNTQ 053	Phiên dịch 2	3	0	3
3.2.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	20	0	10

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
56	NNTQ 402	Thực tập biên, phiên dịch	3	0	3
57	NNTQ 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
58	NNTQ 401	Khóa luận tốt nghiệp (<i>hoặc học thêm 2 học phần chuyên môn sau</i>)	10	0	10
59	NNTQ 054	Thực hành biên dịch doanh nghiệp	5	0	5
60	NNTQ 055	Thực hành phiên dịch doanh nghiệp	5	0	5
Tổng (tín chỉ)			146		

B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I. Học phần điều kiện			11	9	2
I.1		Kỹ năng mềm	6	4	2
1	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	3	2	1
2	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	3	2	1
I.2		Ngoại ngữ 2	5	5	0
3	TANH 032	Tiếng Anh nâng cao 1	2	2	0
4	TANH 033	Tiếng Anh nâng cao 2	3	3	0
II. Học phần tự chọn tùy ý			11	7	4
5	NNTQ 048	Đọc 6	2	2	0
6	NNTQ 049	Nghe 6	2	0	2
7	NNTQ 051	Nói 6	2	0	2
8	NNTQ 061	Viết 6	2	2	0
9	NNTQ 009	Văn học Trung Quốc	3	3	0
Tổng (tín chỉ)			22	16	6

IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

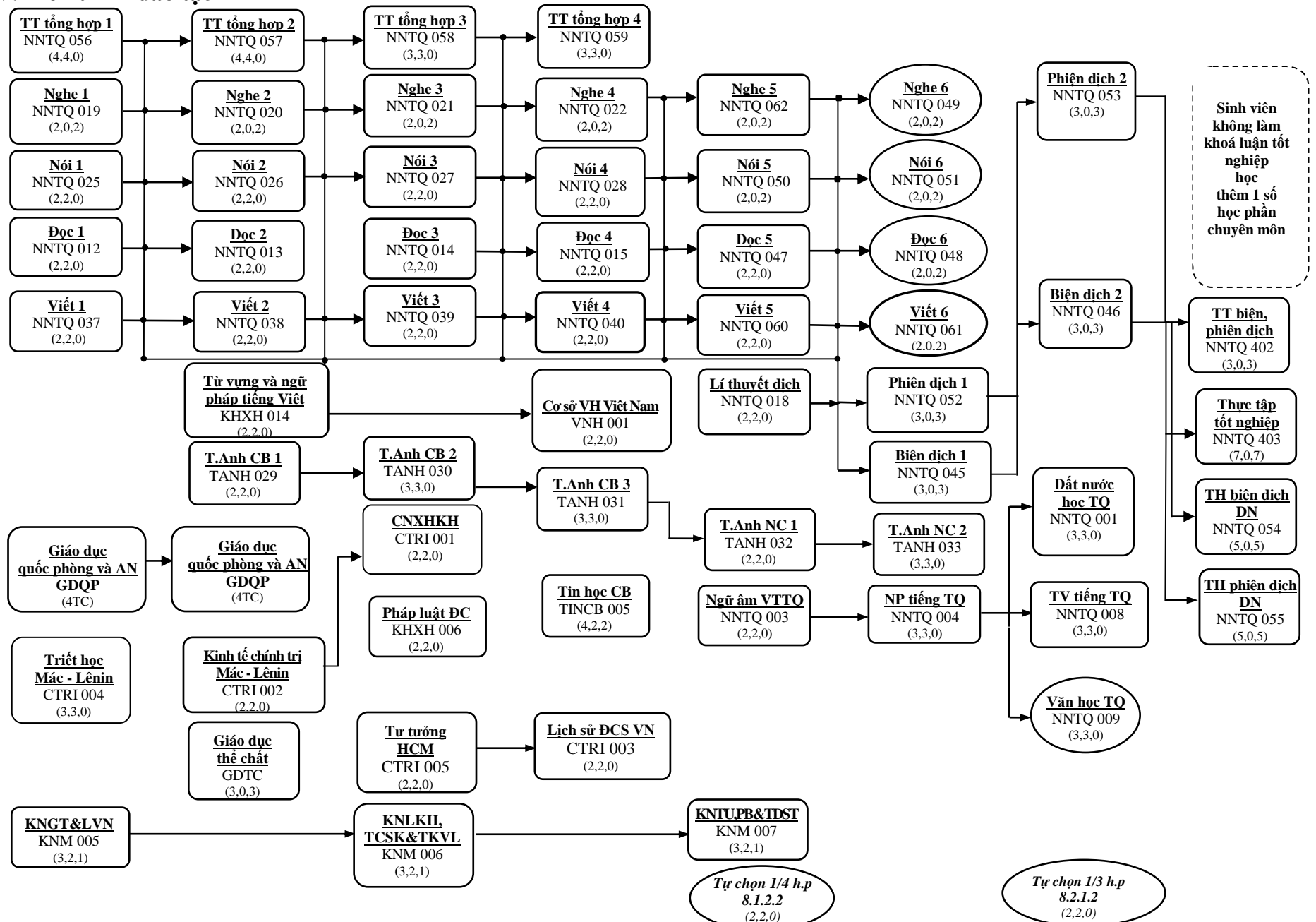
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3			4		4	
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									3			4		4	
3.	CTRI 001	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2									3			4		4	
4.	CTRI 003	Triết học Mác - Lênin	2									3			4		4	
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									3			4		4	
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2									3			4		4	
7.	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt			3							2				2		
8.	VNH 001	Cơ sở văn hóa Việt Nam			2							2				2		
9.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh			2							3				2		2
10.	KHXH 005	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao			2							2				2		
11.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		2							2				2		
12.	KHXH 016	Nghiệp vụ văn phòng			3							3				3		
13.	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1		2										3	3			
14.	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2		2										3	3			
15.	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3		3										3	4			
16.	TINCB 005	Tin học cơ bản		3											3			
17.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2									4	3		4		4	
18.	GDTC	Giáo dục thể chất	2									3			4			
19.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2									3			4			
20.	NNTQ 003	Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc				3									3			
21.	NNTQ 004	Ngữ pháp tiếng Trung Quốc				3									3			
22.	NNTQ 008	Từ vựng tiếng Trung Quốc				3									3			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
23.	NNTQ 001	Đất nước học Trung Quốc				3										3			
24.	NNTQ 002	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc				3										3			
25.	NNTQ 005	Tiếng Hán cổ đại				2										2			
26.	NNTQ 006	Tiếng Hán thương mại				3										3			
27.	NNTQ 056	Tiếng Trung tổng hợp 1					2	2	2	2						2			
28.	NNTQ 057	Tiếng Trung tổng hợp 2					3	3	3	3						3	3		
29.	NNTQ 058	Tiếng Trung tổng hợp 3					3	3	3	3						3	3		
30.	NNTQ 059	Tiếng Trung tổng hợp 4					4	4	4	4						4	4		
31.	NNTQ 012	Đọc 1					2	2	2							2			
32.	NNTQ 013	Đọc 2					3	3	2							3			
33.	NNTQ 014	Đọc 3					3	3	3							3			
34.	NNTQ 015	Đọc 4					4	4	4							4	4		
35.	NNTQ 047	Đọc 5					4	4	4							4	4		
36.	NNTQ 019	Nghe 1					2	2	2							2	2		
37.	NNTQ 020	Nghe 2					3	3	2							3	3		
38.	NNTQ 021	Nghe 3					3	3	3							3	3		3
39.	NNTQ 022	Nghe 4					4	4	4							4	4		4
40.	NNTQ 062	Nghe 5					5	5	4							5	5		5
41.	NNTQ 025	Nói 1					2	2	2							2			
42.	NNTQ 026	Nói 2					3	3	2							2			
43.	NNTQ 027	Nói 3					3	3	3							3			3
44.	NNTQ 028	Nói 4					4	4	4							4	4	4	4
45.	NNTQ 050	Nói 5					5	5	4							5	5	5	5

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
46.	NNTQ 037	Viết 1					2	2	2						2	2		
47.	NNTQ 038	Viết 2					3	3	2						4	4		
48.	NNTQ 039	Viết 3					3	3	3	3					4	4		
49.	NNTQ 040	Viết 4					4	4	4	4					4	4		
50.	NNTQ 060	Viết 5					5	5	4	4					4	4		4
51.	NNTQ 018	Lý thuyết dịch					3	3		3					3			3
52.	NNTQ 045	Biên dịch 1					4	4		4					4			4
53.	NNTQ 052	Phiên dịch 1					4	4		4					4			4
54.	NNTQ 052	Biên dịch 2					5	5		5					5			5
55.	NNTQ 053	Phiên dịch 2					5	5		5					5			5
56.	NNTQ 402	Thực tập biên, phiên dịch						6	5	5					5	5		5
57.	NNTQ 403	Thực tập tốt nghiệp						6	5	5					5	5		5
58.	NNTQ 401	Khóa luận tốt nghiệp						6		5					5	5		5
59.	NNTQ 054	Thực hành biên dịch doanh nghiệp						6		5					5			
60.	NNTQ 055	Thực hành phiên dịch doanh nghiệp					6	6		5					5			
61.	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	2									4	3		4		4	
62.	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	2									4	3		4		4	
63.	TANH 032	Tiếng Anh nâng cao 1		3					3			3	3					
64.	TANH 033	Tiếng Anh nâng cao 2		3					3			3	3					
65.	NNTQ 048	Đọc 6					5	5	5						5			
66.	NNTQ 049	Nghe 6					5	5	5						5	5		5

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
67.	NNTQ 051	Nói 6					5	5	5						5	5	5	5
68.	NNTQ 061	Viết 6					5	5	5	5					5	5		5
69.	NNTQ 009	Văn học Trung Quốc				2									2			

V. Tiến trình đào tạo



HK I: 22 TC

HK II: 25 TC

HK III: 23 TC

HK IV: 22 TC

HK V: 19TC

HK VI: 20 TC

HK VII: 17 TC

HK VIII: 20 TC

VI. Nội dung các học phần

6.1. Mô tả các học phần

1. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiễn trong học tập, cuộc sống.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ

bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

7. Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt

Học phần Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt gồm 2 phần, phần một: “Từ vựng tiếng Việt” bao gồm: Đơn vị từ vựng và từ vựng tiếng Việt; nghĩa của từ; hệ thống vốn từ tiếng Việt. Phần hai: “Ngữ pháp tiếng Việt” bao gồm các nội dung về từ loại và cụm từ tiếng Việt; câu tiếng Việt (cấu tạo ngữ pháp, câu trong hoạt động giao tiếp).

8. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: khái niệm văn hóa và những khái niệm liên quan đến văn hóa, tiến trình lịch sử phát triển của văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân và tập thể, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Qua đó, sinh viên có những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc tiếp thu những kiến thức chuyên ngành, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

9. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: Thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

10. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao

Học phần Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực ngoại giao như: Khái quát về ngoại giao và lễ tân ngoại giao, nghiệp vụ lễ tân ngoại giao, nghi thức và nguyên tắc xác định nghi thức trong lễ tân

ngoại giao, chỉ rõ quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao và những biện pháp xử lý vi phạm miễn trừ ngoại giao.

11. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

12. Nghiệp vụ văn phòng

Học phần cung cấp kiến thức tổng quát về công tác văn phòng, công tác văn thư, lưu trữ, giúp sinh viên có thể thực hiện một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản như xây dựng chương trình, kế hoạch và lịch làm việc, tổ chức hội họp, tổ chức các chuyến đi công tác, soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản, nghiệp vụ văn thư lưu trữ, giao tiếp hành chính và tổ chức nơi làm việc.

13. Tiếng Anh căn bản 1

Học phần Tiếng Anh căn bản 1 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

14. Tiếng Anh căn bản 2

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Đồ ăn, quần áo, máy tính và internet, âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kỳ nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kỹ năng, thói quen văn hóa, chính trị. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: quá khứ, hiện tại hoàn thành, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

15. Tiếng Anh căn bản 3

Học phần gồm 12 bài học về các chủ điểm: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ

nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

16. Tin học cơ bản

Học phần Tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Đồng thời giới thiệu cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

17. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Học phần Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các phương tiện và các kỹ năng giao tiếp như: Cách thức giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp; những khó khăn trong giao tiếp; các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường như: Giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường; nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm như: Cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm. Từ đó, sinh viên vận dụng trong quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

18. Giáo dục thể chất

Sinh viên chọn 1 trong 3 nội dung:

- *Bóng chuyền hơi:* Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền.

- *Bóng đá:* Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá: kỹ thuật dẫn bóng luân cộc sút cầu môn, kỹ thuật ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của bóng đá.

- *Khiêu vũ thể thao*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; luật khiêu vũ thể thao; các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu Bachata, Chachacha và Bebo.

19. Giáo dục quốc phòng và an ninh

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

20. Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc

Học phần Ngữ âm văn tự tiếng Trung Quốc gồm hai phần:

- Phần ngữ âm: giới thiệu các kiến thức cơ bản ngữ âm tiếng Trung Quốc hiện đại, các khái niệm ngữ âm cơ bản như âm tố, âm vị, nguyên âm, phụ âm, thanh mẫu, vận mẫu, âm tiết; giới thiệu hệ thống thanh điệu, quy luật kết hợp thanh mẫu-vận mẫu-thanh điệu và các quy luật biến đổi thanh điệu trong tiếng Trung Quốc; hướng dẫn sinh viên cách viết phiên âm latin, phiên âm quốc tế, biết mô tả các âm để trên cơ sở đó có khả năng tự chỉnh âm.

- Phần văn tự: Các kiến thức cơ bản về văn tự học tiếng Trung Quốc; nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của chữ Hán; đặc điểm, phương pháp cấu tạo chữ Hán.

21. Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc

- Học phần Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Khái quát về đặc điểm ngữ pháp tiếng Trung Quốc hiện đại; hệ thống, tính chất và đơn vị của ngữ pháp; từ, phân loại từ, xác định tiêu chí phân loại từ, đặc điểm ngữ pháp của các loại từ và cách vận dụng, trong đó tập trung đi sâu vào miêu tả, nghiên cứu nghiên cứu các vấn đề về từ loại tiếng Trung Quốc (thực từ và hư từ); đặc điểm câu và các thành phần câu, tiêu chí phân loại câu; các phương pháp phân tích ngữ pháp, hình thức tổ hợp của từ và kết cấu cú pháp, các loại mô hình câu, đặc điểm ngữ pháp về câu đơn và câu phức.

22. Từ vựng học tiếng Trung Quốc

Học phần Từ vựng học tiếng Trung Quốc gồm 13 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

Khái quát và cụ thể về hệ thống từ loại và những đơn vị ngữ nghĩa của từ loại tiếng Trung Quốc. Trên cơ sở giới thiệu khái quát sự hình thành và phát triển của từ vựng tiếng Hán, học phần còn đi sâu tìm hiểu hình thức bên ngoài và ý nghĩa bên trong của từ, bao gồm tính chất, cấu tạo của từ, nội dung ngữ nghĩa, đơn vị ngữ nghĩa và hiện tượng đa nghĩa của từ. Từ đó tiến tới tìm hiểu mối quan hệ giữa từ và từ, bao gồm mối quan hệ giữa các từ đồng nghĩa, phản nghĩa, đồng âm, đồng tố. Ngoài ra, học

phần còn dành một phần quan trọng cho việc giới thiệu nội dung về thực ngữ, bao gồm thành ngữ, quán ngữ, yết hậu ngữ, ngạn ngữ.

23. Đất nước học Trung Quốc

Học phần Đất nước học Trung Quốc gồm 15 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 2 phần lớn: bài đọc, luyện tập. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát nhất về điều kiện tự nhiên, lịch sử, chính trị, khoa học, ngoại giao, dân số, dân tộc của đất nước Trung Quốc.

24. Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc

Học phần cung cấp các kiến thức:

- Tổng quan tiến trình lịch sử Trung Hoa.
- Kiến thức từng triều đại trong lịch sử Trung Hoa qua các giai đoạn: Cổ đại, Trung đại, Cận hiện đại. Phần Cổ đại giới thiệu sự hình thành của dân tộc Trung Hoa, các nhà nước cổ đại và nền văn minh Trung Hoa cổ. Phần Trung đại giới thiệu về chế độ phong kiến chuyên chế hơn 2000 năm của Trung Hoa bao gồm các triều đại, đặc điểm thời phong kiến và các mâu thuẫn trong từng triều đại, văn hóa được phát triển liên tục qua các triều đại đó. Phần Cận đại giới thiệu sự hình thành xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến của Trung Quốc và phản ứng của các tầng lớp xã hội Trung Quốc.
- Tri nhận biểu tượng lịch sử, văn hóa Trung Hoa.

25. Tiếng Hán cổ đại

Học phần giới thiệu các kiến thức chung về tiếng Trung Quốc cổ đại, tuyển chọn giảng một số tác phẩm bằng tiếng Trung Quốc cổ; trên cơ sở đó phân tích cách dùng một số từ thông dụng, các hiện tượng ngữ pháp đặc trưng, so sánh sự tương đồng và dị biệt với tiếng Trung Quốc hiện đại trên mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và cách sử dụng trong văn bản hiện hành...

26. Tiếng Hán thương mại

Học phần gồm 14 bài, mỗi bài liệt kê các từ vựng liên quan đến nội dung học như hỏi giá, báo giá, trả giá, đặt hàng, phương thức đóng gói, hoa hồng, quy cách đóng gói, phương thức thanh toán, bảo hiểm, tố tụng và tranh chấp, ký hợp đồng, các câu giao tiếp trong mua bán để hiểu để sinh viên áp dụng vào thực tế.

27. Tiếng Trung tổng hợp 1

Học phần Tiếng Trung tổng hợp 1 gồm 30 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Ngữ âm: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Trung Quốc: cách phát âm của thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu trong tiếng Hán, quy tắc phiên âm, các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán.
- Bài đọc: cung cấp những mẫu câu, cách nói thường dùng trong giao tiếp sinh hoạt hằng ngày với các chủ đề: (chào hỏi, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, hỏi đường, hỏi thời gian, đồ ăn - đồ uống, gia đình, sở thích, dự định, mua đồ, ở ngân hàng, miêu tả vị trí của người-đồ vật và nơi chốn, thuê nhà....).

- Từ mới: cung cấp nghĩa và từ loại của các từ vựng có trong nội dung bài đọc và bài tập.

- Ngữ pháp: cung cấp cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.

- Bài tập: hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

28. Tiếng Trung tổng hợp 2

Học phần Tiếng Trung tổng hợp 2 gồm 20 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Bài đọc: cung cấp những mẫu câu, cách nói thường dùng trong giao tiếp sinh hoạt hằng ngày với các chủ đề: thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân....

- Từ mới: cung cấp nghĩa và từ loại của các từ vựng có trong nội dung bài đọc và bài tập.

- Ngữ pháp: cung cấp cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.

- Bài tập: hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

29. Tiếng Trung tổng hợp 3

Học phần Tiếng Trung tổng hợp 3 gồm 13 bài. Mỗi bài gồm năm phần, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Bài đọc: chủ điểm của bài đọc bao gồm nhiều mặt trong đời sống hằng ngày, đồng thời giới thiệu những kiến thức về đất nước và con người Trung Quốc, nhằm tăng cường sự hiểu biết thông thường đối với đất nước Trung Hoa.

- Từ mới: cung cấp nghĩa và từ loại của các từ vựng có trong nội dung bài đọc và bài tập.

- Giải thích: cung cấp kiến thức về ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa Trung Hoa.

- Cách dùng từ ngữ: cung cấp cách dùng của những từ trọng điểm trong bài.

- Ngữ pháp: cung cấp cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.

- Bài tập: hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học.

30. Tiếng Trung tổng hợp 4

Học phần Tiếng Trung tổng hợp 4 gồm 13 bài. Mỗi bài gồm năm phần, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Bài đọc: chủ điểm của bài đọc bao gồm nhiều mặt trong đời sống hằng ngày, đồng thời giới thiệu những kiến thức về đất nước và con người Trung Quốc, nhằm tăng cường sự hiểu biết thông thường đối với đất nước Trung Hoa.

- Từ mới: cung cấp nghĩa và từ loại của các từ vựng có trong nội dung bài đọc và bài tập.

- Giải thích: cung cấp kiến thức về ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa Trung Hoa.

- Cách dùng từ ngữ: cung cấp cách dùng của những từ trọng điểm trong bài.

- Ngữ pháp: cung cấp cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.

- Bài tập: hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học.

31. Đọc 1

Học phần Đọc 1 gồm 14 bài. Mỗi bài gồm bốn phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

一、生字 - Chữ mới: cung cấp những chữ Hán mới có liên quan đến chủ đề bài học.

二、字 - 词- 词组: cung cấp những chữ Hán, từ được tạo từ các chữ Hán, cụm từ được tạo từ các từ mới có liên quan đến chủ đề bài học.

三、课文 - Bài khóa: nội dung các bài đọc về các chủ đề trong lĩnh vực sinh hoạt hàng ngày: chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, hỏi họ tên, học tập, ăn uống, mua trái cây, mua quần áo, đổi tiền, thời gian, sở thích, trường học....

四、练习- Luyện tập: hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến phức tạp để củng cố kiến thức của bài học.

32. Đọc 2

Học phần Đọc 2 gồm 14 bài. Mỗi bài gồm bốn phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

一、生字 - Chữ mới: cung cấp những chữ Hán mới có liên quan đến chủ đề bài học.

二、字 - 词- 词组: cung cấp những chữ Hán, từ được tạo từ các chữ Hán, cụm từ được tạo từ các từ mới có liên quan đến chủ đề bài học.

三、课文 - Bài khóa: nội dung các bài đọc về các chủ đề trong lĩnh vực sinh hoạt hàng ngày: sở thích, thời tiết, các hoạt động hàng ngày, an toàn giao thông, hôn lễ, một số môn nghệ thuật, một số địa điểm của Trung Quốc như Bắc Kinh, Cáp Nhĩ Tân.

四、练习- Luyện tập: hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến phức tạp để củng cố kiến thức của bài học.

33. Đọc 3

Mỗi bài tương ứng với một chủ đề mang tính chất thời sự và xã hội và đều có cấu tạo gồm các phần lớn với bài đọc, hệ thống từ và hệ thống bài tập từ đơn giản đến phức tạp.

34. Đọc 4

Học phần Đọc 4 gồm 14 bài. Mỗi bài tương ứng với một chủ đề mang tính chất thời sự và xã hội: đồng nhân dân tệ và ngân hàng, người nước ngoài ở Trung Quốc, khoa học kỳ diệu, thời đại internet, sức cuốn hút của Kinh Kịch Trung Quốc, nguồn gốc của sự sống, hệ thống giáo dục của Trung Quốc... Đồng thời đều có cấu tạo gồm các phần lớn với bài đọc, hệ thống từ và hệ thống bài tập từ đơn giản đến phức tạp để củng cố kiến thức của bài học.

35. Đọc 5

Học phần Đọc 5 gồm 14 bài. Mỗi bài gồm năm phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

一、热身 - Khởi động: nêu vấn đề có liên quan đến chủ đề bài học

二、课文 - Bài khóa: nội dung các bài nói về các chủ đề: tìm hiểu về cuộc sống, đàm luận cổ kim, lắng nghe điển tích (các câu chuyện về thành ngữ), tiếp cận khoa học, nhìn ra thế giới, tu thân dưỡng tính.

三、生词 - Từ mới: cung cấp nghĩa và từ loại của các từ vựng có trong nội dung bài đọc và bài tập.

四、注释 - Chú thích: giải thích cách dùng các từ, cụm từ trọng điểm trong bài học.

五、练习 - Luyện tập: hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học

36. Nghe 1

Học phần gồm 30 bài học về các chủ điểm đời sống thường ngày như nơi ở, mua sắm, bạn bè, gia đình, chăm sóc sức khỏe, đời sống, công việc, mua đồ

Nội dung mỗi bài gồm các bài luyện nghe và nhiều loại bài tập nghe hiểu như: bài tập phát âm, bài tập ngữ điệu, bài tập trọng âm của từ, bài tập trọng âm của câu, bài tập luyện nghe và chọn đáp án đúng, bài tập luyện nghe và trả lời câu hỏi. Hệ thống bài tập phù hợp với trình độ nghe tiếng Hán cơ sở của sinh viên. Hình thức luyện nghe là lựa chọn thông tin nghe được qua các câu a, b, c, d cho sẵn; chọn từ ngữ nghe được trong câu, chọn câu nghe được trong đoạn văn, nghe trả lời câu hỏi.

37. Nghe 2

Học phần gồm 15 bài học về các chủ điểm đời sống thường ngày như bạn bè, gia đình, công việc, thời gian, mua sắm, dự định tương lai, thời tiết, đời sống hằng ngày, vấn đề xã hội....

Nội dung mỗi bài gồm các bài luyện nghe và nhiều loại bài tập nghe hiểu như: bài tập luyện nghe ngữ điệu, bài tập luyện nghe và chọn đáp án đúng, bài tập luyện nghe và trả lời câu hỏi. Hệ thống bài tập phù hợp với trình độ nghe tiếng Hán cơ sở của sinh viên. Hình thức luyện nghe là lựa chọn thông tin nghe được qua các câu a, b, c, d cho sẵn, chọn từ ngữ nghe được trong câu, chọn câu nghe được trong đoạn văn, nghe xong trả lời câu hỏi.

38. Nghe 3

Học phần gồm 15 bài của giáo trình Nghe hiểu Hán ngữ tập 3

Mỗi bài tương ứng với các chủ điểm: quan hệ hàng xóm, văn hóa tặng quà, hôn nhân, nuôi dạy con cái, vấn đề hút thuốc lá, quảng cáo, cách đặt tên, bảo vệ môi trường...

Nội dung mỗi bài gồm các bài luyện nghe và nhiều loại bài tập nghe hiểu như: nghe chọn đáp án A, B, C, D, phán đoán đúng sai, tóm tắt nội dung bài nghe.

39. Nghe 4

Học phần gồm 15 bài:

Mỗi bài tương ứng với các chủ điểm công việc, môi trường, sự khác biệt về quan điểm cách nhìn đối với các mặt trong đời sống xã hội, cách nghỉ ngơi hiệu quả, sự tích đặc điểm của loài vật, lời từ chối, máy tính.....

Nội dung mỗi bài gồm các bài luyện nghe và nhiều loại bài tập nghe hiểu như: nghe chọn đáp án A, B, C, D, phán đoán đúng sai, tóm tắt nội dung bài nghe.

40. Nghe 5

Học phần Nghe 5 gồm 15 bài. Mỗi bài gồm hai phần là từ mới và bài tập. Phần từ mới cung cấp cho sinh viên các từ mới có liên quan đến chủ đề bài nghe; phần bài tập được thiết kế từ dễ đến khó về các chủ đề tin tức: Kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật, đời sống...

41. Nói 1

Học phần gồm 14 bài, mỗi bài đều có kết cấu ba phần: hội thoại, từ mới và bài tập. Nội dung bài khóa cung cấp những từ mới theo từng chủ điểm cụ thể: làm quen, giới thiệu về bản thân, gia đình, thời gian, mua sắm, gọi điện thoại, hỏi địa chỉ, ở nhà ăn, ở ngân hàng, ở bưu điện, ở bệnh viện, sở thích... Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nói theo chủ đề tương ứng với nội dung từng bài.

42. Nói 2

Giáo trình Nói 2 gồm 15 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: bài khóa, ngữ pháp và luyện tập. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, mẫu câu theo các chủ đề: đi mua vé, kế hoạch du lịch, ở khách sạn, xin nghỉ phép - đăng ký lớp học, nói về học tập, nói về môi trường cuộc sống, báo chí, hội họp, thời tiết...

43. Nói 3

Giáo trình Nói 3 gồm 15 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: bài khóa, từ mới, cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu và luyện tập. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, rèn kỹ năng nói theo các chủ đề: chọn nghề; mời đi chơi, mặc cả giá khi đi mua hàng, những điều quan trọng nhất trong cuộc sống, chúc hạnh phúc, tiễn bạn.....

44. Nói 4

Giáo trình Nói 4 gồm 15 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: bài khóa, từ mới, cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu và luyện tập. Cung cấp cho sinh

viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, rèn kỹ năng nói theo các chủ đề: công phu Trung Quốc, quan niệm sinh con trong hôn nhân, áo dài truyền thống của Trung quốc, cuộc sống ở thành thị...

45. Nói 5

Giáo trình Nói 5 gồm 10 bài. Mỗi bài một chủ đề gồm 4 phần: bài khóa, chú thích, luyện tập và bài đọc bổ sung. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, rèn kỹ năng nói theo các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như gia đình và xã hội; hôn nhân; giáo dục; lựa chọn giữa công việc và nghỉ ngơi; sự khác biệt của các thế hệ trong tứ đại đồng đường, con đường tiêu thụ của hàng ngoại và hàng nội, bảo vệ môi trường...

46. Viết 1

Học phần gồm 16 bài, bài 1 giới thiệu về các nét trong chữ Hán và quy tắc viết chữ Hán. 15 bài còn lại mỗi bài đều có kết cấu bốn phần: bộ thủ, từ mới, cách viết chữ Hán và bài tập.

- Kỹ năng: viết được các chữ Hán đúng theo quy tắc viết và viết được bằng chữ Hán các câu có liên quan đến các chủ điểm trong cuộc sống hằng ngày như làm quen, giới thiệu về bản thân, gia đình, thời gian, mua sắm, gọi điện thoại, hỏi địa chỉ, ở nhà ăn, ở ngân hàng, ở bưu điện, sở thích.

- Từ vựng: phần từ mới cung cấp những từ mới theo chủ đề trong mỗi bài như chào hỏi, hỏi họ tên, giới thiệu về bản thân, gia đình, thời gian, mua sắm, gọi điện thoại, hỏi địa chỉ, ở nhà ăn, ở ngân hàng, ở bưu điện, sở thích. Nắm được và viết được được các bộ thủ cơ bản trong tiếng Trung.

47. Viết 2

Học phần Viết 2 có 8 bài, 5 bài đầu cung cấp từ mới và bài tập về các chủ đề trong giao tiếp hằng ngày, 3 bài cuối hướng dẫn cách viết câu đơn, câu phức, cách dùng dấu câu và các bài tập luyện viết câu, đoạn văn cho sinh viên cụ thể như sau:

- Kỹ năng: cách thức viết câu, cách dùng dấu câu trong tiếng Trung, cách dùng từ nối câu, các phân câu với nhau. Viết được các câu so sánh về thời tiết, phong cảnh, sở thích...

- Từ vựng: viết được các từ vựng chủ đề giao tiếp hằng ngày như thời tiết, phong cảnh, sở thích...

- Ngữ pháp: viết được các từ mới và các câu đơn, câu phức bằng chữ Hán có liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống hằng ngày như thời tiết, phong cảnh, sở thích, hội họp... Viết được câu, cách dùng dấu câu trong tiếng Trung, dùng từ nối câu, các phân câu với nhau.

48. Viết 3

Học phần Viết 3 gồm 7 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: hướng dẫn cách viết theo chủ đề tương ứng mỗi bài, bài văn mẫu và luyện tập.

Trình bày được cách viết nội dung câu chuyện sau khi nghe, viết đoạn văn giới thiệu về mình, viết thông báo, viết thư và nhật ký.

Viết được nội dung câu chuyện sau khi nghe, đoạn văn giới thiệu về mình, thông báo, thư và nhật ký.

49. Viết 4

Giáo trình Viết 4 gồm 7 bài. Cấu trúc cơ bản của mỗi bài bao gồm: hướng dẫn cách viết theo chủ đề tương ứng mỗi bài, bài văn mẫu và luyện tập.

Trình bày được cách viết một bức thư xã giao; một đoạn văn giới thiệu về cuộc sống, phong tục tập quán của quê hương; cách phát triển, tóm tắt, sửa đổi đoạn văn.

Viết được bức thư xã giao; đoạn văn giới thiệu về cuộc sống, phong tục tập quán của quê hương; phát triển, tóm tắt, sửa đổi được đoạn văn cho sẵn theo yêu cầu.

50. Viết 5

Học phần Viết 5 gồm 5 bài. Mỗi bài cung cấp cách viết các loại văn, thư tín; các bài văn mẫu và phân tích các bài văn mẫu ở các thể loại: văn trần thuật, thư tín, thư giao dịch thương mại, thư chúc mừng, thư cảm ơn, lời nhắn, thư tiến cử, đơn xin việc và lý lịch cá nhân. Ngoài ra học phần Viết 5 còn cung cấp cho sinh viên hệ thống bài tập để sinh viên thực hành viết theo các thể loại đã học.

Trình bày được cách viết một đoạn văn theo thể diễn dịch, quy nạp hay tổng hợp, cách viết thư thường, thư cảm ơn, thư chúc mừng, thư giao dịch thương mại, lời nhắn, cách viết thư tiến cử, đơn xin việc, lý lịch cá nhân...

Viết được một đoạn văn theo nhiều cách khác nhau như diễn dịch, quy nạp hay tổng hợp. Viết được các loại thư tín, đơn xin việc, lý lịch cá nhân.

51. Lý thuyết dịch

Học phần Lý thuyết dịch giúp sinh viên hiểu về khái niệm dịch, các quan điểm về dịch, các thể loại trong dịch, các giai đoạn và các bước dịch, cách xử lý thông tin khi dịch như cách xử lý từ, cụm từ, thành ngữ, câu... Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào các bài tập thực hành dịch trên lớp cũng như các công việc liên quan đến tiếng Trung trong quá trình làm việc sau này.

52. Biên dịch 1

Học phần Biên dịch 1 gồm 5 chương. Mỗi chương một chủ đề gồm 3 phần lớn: bài dịch, ngữ pháp và luyện tập. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: từ vựng, cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, rèn kỹ năng dịch theo các chủ đề về các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục, giao lưu và hợp tác quốc tế...

53. Phiên dịch 1

Học phần chia làm 2 chương dịch Hán - Việt, Việt - Hán. Nội dung về các chủ đề kinh tế, chính trị, xã hội... Bên cạnh các bài viết và các đoạn video thực hành trên lớp, giáo trình còn có các bài tập tương tự theo các chủ đề thực hành để sinh viên thực hành ở nhà nâng cao khả năng phiên dịch tiếng Trung.

54. Biên dịch 2

Học phần Biên dịch 2 gồm 5 chương. Mỗi chương một chủ đề gồm 3 phần lớn: Bài đọc, ngữ pháp, bài tập dịch. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến

thức về cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, rèn kỹ năng dịch theo các chủ đề về các lĩnh vực: Hợp đồng, quảng cáo, danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc và Việt Nam, tập tục văn hóa.

55. Phiên dịch 2

Học phần chia làm 2 chương dịch Việt - Hán, Hán - Việt, mỗi chương gồm 10 bài. Nội dung về các chủ đề văn hóa nghệ thuật, chính trị, khoa học, xã hội...

Bên cạnh các bài viết và các đoạn video thực hành trên lớp, giáo trình còn có các bài tập tương tự theo các chủ đề thực hành để sinh viên thực hành ở nhà nâng cao khả năng phiên dịch tiếng Trung.

Lựa chọn được từ ngữ và cấu trúc phù hợp bằng tiếng Việt và tiếng Trung thông qua các bài thực hành về các chủ đề như văn hóa, nghệ thuật, chính trị, khoa học, xã hội...

56. Thực tập biên, phiên dịch

Thực tập biên, phiên dịch là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội làm quen với công tác biên phiên dịch thực tế tại doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học trải nghiệm vào thực tế.

Kiến thức và kỹ năng hình thành trong quá trình học tập sẽ giúp cho sinh viên tìm hiểu về cơ sở thực tập, làm quen với những công việc của một nhân viên văn phòng tại cơ sở thực tập; trải nghiệm vào thực tế công việc chuyên môn.

57. Thực tập tốt nghiệp

Học phần này giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý điều hành trong doanh nghiệp nước ngoài; rèn luyện khả năng nghe nói tiếng Trung, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

58. Khóa luận tốt nghiệp

Cần tạo điều kiện cho sinh viên khá, giỏi làm luận văn tốt nghiệp. Đây là đợt tập dượt cho sinh viên làm thực tế các đề tài khoa học, tổng hợp các kiến thức. Tổ chức cho sinh viên bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Nếu sinh viên không bố trí làm luận văn tốt nghiệp thì tổ chức cho sinh viên học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

59. Thực hành biên dịch doanh nghiệp

Thực hành biên dịch doanh nghiệp là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội làm quen với công tác biên dịch các văn bản thực tế tại doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế.

60. Thực hành phiên dịch doanh nghiệp

Thực tập phiên dịch là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội làm quen với công tác phiên dịch tại văn phòng hoặc xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế.

61. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm

Học phần Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự

kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện. Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu việc làm của xã hội.

62. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo

Học phần Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò và các kỹ năng thích ứng như: kỹ năng thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc; các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng như: xác định tư tưởng, thường xuyên giả định các trường hợp có thể xảy ra, luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm của người có kỹ năng phản biện, rèn luyện kỹ năng phản biện, trau dồi kiến thức cho bản thân thường xuyên, rèn luyện kỹ năng phân tích, kỹ năng phản biện khi giao tiếp, nâng cao khả năng sáng tạo, cách giải quyết vấn đề, rèn luyện để có cách nhìn khách quan, hình thành thói quen đặt câu hỏi, việc sử dụng sơ đồ. Nội dung kỹ năng tư duy sáng tạo gồm khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo, phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo; các bước trong quy trình tư duy sáng tạo, phương pháp tư duy sáng tạo. Từ đó, sinh viên vận dụng các kỹ năng vào quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

63. Tiếng Anh nâng cao 1

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

64. Tiếng Anh nâng cao 2

Học phần Tiếng Anh 5 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các nhóm từ sử dụng để giao tiếp trong các tình huống thực tế ở trường học, một số địa điểm công cộng như khi mua sắm, thuê nhà, di chuyển bằng

máy bay, tàu, xe..., đi du lịch, giao dịch ngân hàng, bưu điện, khám bệnh, thảo luận, thuyết trình.

- Ngữ pháp: Các cấu trúc câu giao tiếp cơ bản, một số kiến thức về ngữ âm, âm điệu khi giao tiếp để diễn đạt đúng mục đích hội thoại cũng như thể hiện đúng, sát với phong cách giao tiếp bản địa. Kết thúc học phần sinh viên có một vốn từ vựng phong phú và một vốn kiến thức cơ bản để giao tiếp trong các tình huống thực tế của cuộc sống.

- Kỹ năng: Tập trung luyện bốn kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là nghe, nói một cách thành thạo, giúp sinh viên mở rộng vốn kiến thức, kỹ năng với các tình huống đa dạng, gần với thực tế cuộc sống, công việc.

65. Đọc 6

Học phần Đọc 6 gồm 14 bài. Mỗi bài gồm năm phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

一、热身 - Khởi động: nêu vấn đề có liên quan đến chủ đề bài học

二、课文 - Bài khóa: nội dung các bài nói về các chủ đề: giao lưu văn hóa, hiểu về giáo dục, cảm nhận về đời người, quan tâm kinh tế, quan sát xã hội, gần với thiên nhiên.

三、生词 - Từ mới: cung cấp nghĩa và từ loại của các từ vựng có trong nội dung bài đọc và bài tập.

四、注释 - Chú thích: giải thích cách dùng các từ, cụm từ trọng điểm trong bài

五、练习 - Luyện tập: hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học.

66. Nghe 6

Giáo trình Nghe 6 gồm 15 bài.

Mỗi bài gồm có 5 mục tin tức nhỏ với các bài tập nghe được thiết kế đa dạng, bao gồm các dạng như: chọn đáp án A, B, C, D; phán đoán đúng sai; điền vào chỗ trống, trả lời câu hỏi.

67. Nói 6

Học phần Nói 6 gồm 10 bài. mỗi bài một chủ đề gồm 3 phần: bài khóa, từ vựng và bài tập. Trong mỗi phần có phần từ mới chú thích và bài tập, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cách dùng từ, cấu trúc câu, cách biểu đạt câu theo các chủ đề, rèn kỹ năng nói theo các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như: thói quen rất khó để thay đổi, im lặng có phải là vàng, tiền bạc và niềm vui, hạnh phúc, nghĩa tình không dễ chối từ, mười hai con giáp, thành ngữ về con vật, các ngày lễ Tết ở Trung Quốc...

68. Viết 6

Học phần cung cấp cách viết các loại thư mời, thư cảm ơn, thư chúc mừng, thư giao dịch thương mại, thư báo giá, lời chào mừng, lời chào tạm biệt...Ngoài ra học phần Viết 6 còn cung cấp cho sinh viên hệ thống bài tập để sinh viên thực hành viết theo các thể loại đã học.

69. Văn học Trung Quốc

Học phần gồm 12 bài, mỗi bài gồm phân tác giả, các tác phẩm tiêu biểu, chú thích và luyện tập ứng với từng giai đoạn của văn học cổ Trung Quốc từ thần thoại đến thơ văn đời Tần, Hán, Đường, Tống, Xuân thu chiến quốc... cho đến văn học hiện đại. Các tác phẩm tiêu biểu được trích dẫn trong giáo trình là những tác phẩm kinh điển và nổi tiếng nhất trong suốt tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc.

6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SAO ĐỎ**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên